

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 21/2025/DS-PT

Ngày 10-3-2025

V/v Kiện đòi tài sản, yêu cầu thực
hiện nghĩa vụ người chết để lại

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến

Bà Lương Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2024/TLPT-DS, ngày 22 tháng 11 năm 2024.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Hồng M và bà Đỗ Thị T; cùng địa chỉ: Số E, kp F, T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn T1, địa chỉ: E1 đường N, phường X, thành phố B1, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Ông Lưu Doãn C; địa chỉ: Số F1 đường A, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Quang H; địa chỉ: Số E2 đường R, phường K, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị P): Ông Lưu Quang Đ, bà Lưu Thu H1, anh Lưu Doãn Q.

Cùng địa chỉ: Số F23 đường A (số F3 cũ) phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lưu Quang Đ, bà Lưu Thu H1: Ông Triệu Quang H, địa chỉ: Số E2 đường R, phường K, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người kháng cáo: Ông Lưu Doãn C, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn trình bày: Ngày 18/11/2015 nguyên đơn Lê Hồng M và bà Đỗ Thị T cho vợ chồng bị đơn ông Lưu Doãn C, bà Nguyễn Thị P vay là 700.000.000 đồng, khi vay có lập hợp đồng, có qua công chứng. Thời hạn vay 6 tháng, mục đích vay mua tài sản, lãi suất không vượt quá lãi suất ngân hàng hiện hành, lãi suất vay tính từ thời điểm nhận tiền vay.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Thửa đất số 146 tờ bản đồ số 25 địa chỉ thửa đất tại khối I, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; thửa đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lưu Doãn C; các bên không đăng ký giao dịch đảm bảo quyền sử dụng thửa đất, bị đơn chỉ giao GCNQSDĐ để nguyên đơn cầm làm tin, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết đối với việc thế chấp thửa đất, cầm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ khi vay tiền ngày 18/11/2015 đến nay vợ chồng ông Lưu Doãn C và bà Nguyễn Thị P chưa trả được khoản tiền gốc, lãi nào cho các nguyên đơn dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắn tin nhắc nợ. Việc nguyên đơn đòi nợ qua điện thoại và đến nhà trực tiếp không được lập văn bản và không lưu lịch sử tin nhắn, điện thoại, nên không có tài liệu chứng minh. Đến khoảng năm 2023 nguyên đơn mới biết được bà Nguyễn Thị P đã chết, nhưng không rõ là chết năm nào.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2024 và ngày 25/4/2024 nguyên đơn yêu cầu ông Lưu Doãn C và bà Nguyễn Thị P trả lại số tiền vay 700.000.000 đồng và tiền lãi 560.000.000 đồng tính theo mức của bộ luật Dân sự quy định, tổng là 1.260.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền cá nhân ngày 18/11/2015.

Tại buổi đối chất ngày 11/7/2024, nguyên đơn yêu cầu ông Lưu Doãn C và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị P thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại, trả tiền vay cho nguyên đơn số tiền gốc 700.000.000 đồng và lãi suất trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán mức 20%/năm tính từ thời điểm ký hợp đồng vay 18/11/2015 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Người đại diện của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thành yêu cầu kiện đòi tài sản, yêu cầu ông Lưu Doãn C trả số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng và lãi chậm trả thi hành án theo quy định; không yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay và trả lãi của khoản vay 700.000.000 đồng nữa.

Đối với đề nghị áp dụng thời hiệu, yêu cầu ông Lưu Doãn C thực hiện nghĩa vụ của người chết (của bà Nguyễn Thị P) để lại.

Phía bị đơn trình bày:

Ông Lưu Doãn C và bà Nguyễn Thị P (đã chết ngày 11/11/2017) là vợ chồng. Ông bà có 03 người con chung gồm Lưu Quang Đ; Lưu Quang U (đã chết) và Lưu Thu H1. Anh Lưu Quang U có vợ là Nguyễn Thị P (đã chết) có 01 con chung là Lưu Doãn Q.

Bố mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị P (bị đơn) đã chết; bà Nguyễn Thị P không có mẹ nuôi, không có con nuôi, con riêng nào khác.

Về thời hạn vay, số tiền vay, hình thức vay như nguyên đơn trình bày. Phía bị đơn cho rằng vay số tiền 700.000.000đ trong thời hạn 6 tháng nhưng đến nay 3 năm nguyên đơn mới khởi kiện là hết thời hiệu, đồng thời bà Nguyễn Thị P (vợ ông Lưu Doãn C) đã chết từ năm 2017, nay nguyên đơn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại đối với nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị P là đã hết thời hiệu khởi kiện.

Bị đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu để xem xét miễn trừ nghĩa vụ về tài sản của những người thừa kế quyền nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị P. Do công việc kinh doanh không hiệu quả, bà Nguyễn Thị P chết, ông Lưu Doãn C bị tai biến sức khỏe yếu; các con làm thuê thu nhập thấp không giúp đỡ được gì, nên bên vay không có khả năng thanh toán số tiền vay cho nguyên đơn. Do ông Lưu Doãn C hiện không có khả năng trả nợ toàn bộ, chỉ trả được một phần, nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn đề nghị trả gốc 350.000.000 đồng và không trả lãi.

Đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 146, diện tích 96,8m², tờ bản đồ số 25, địa chỉ thửa đất tại khối I, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 03 tầng, đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Lưu Doãn C; đây là tài sản chung vợ chồng của ông Lưu Doãn C và bà Nguyễn Thị P. Khi bà Nguyễn Thị P chết không để lại di chúc, di sản của bà Nguyễn Thị P chưa chia thừa kế; hiện nhà đất do ông Lưu Doãn C quản lý, sử dụng. Tại Hợp đồng vay tiền, các bên thỏa thuận dùng làm tài sản tín chấp đảm bảo cho khoản vay. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này phía nguyên đơn giữ theo thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền, nguyên đơn không có yêu cầu giải quyết đối với việc thế chấp quyền sử dụng đất; bị đơn cũng nhất trí và không có yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn khai thực tế việc vay nợ là do chị Lưu Thu H1 (con gái bị đơn) và nguyên đơn bà Đỗ Thị T có quan hệ làm ăn với nhau, chị Lưu Thu H1 có nợ bà Đỗ Thị T tiền hàng nên nhờ bố mẹ là ông Lưu Doãn C và bà Nguyễn Thị P lập hợp đồng vay tiền cá nhân với bà Đỗ Thị T và ông Lê Hồng M để xác nhận nợ, số tiền 700.000.000đ chính là tiền hàng chị H1 nợ bà T. Chị Lưu Thu H1 đã thanh toán hết cho các nguyên đơn và có lập giấy biên nhận tiền, nhưng do thời gian đã lâu nên không nhớ trả thời gian nào, chưa tìm thấy giấy biên nhận để cung cấp cho Tòa án; không có việc các nguyên đơn đòi tiền như đã khai. Do đó, bị đơn không chấp nhận yêu cầu đòi lại tiền gốc của các nguyên đơn.

Biên bản định giá tài sản: Ngày 23/8/2024, hội đồng định giá quyết định trị giá quyền sử dụng đất là $96,8\text{m}^2 \times 50.000.000 \text{ đồng}/1\text{m}^2 = 4.850.000.000 \text{ đồng}$ và trị giá tài sản gắn liền với đất là nhà ở xây năm 1992 là $4.371.000 \text{ đồng} \times 90,4\text{m}^2 \times 25\% = 98.784.600 \text{ đồng}$; tổng trị giá đất vào tài sản gắn liền với đất là 4.948.784.600 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lê Hồng M và bà Đỗ Thị T đối với yêu cầu trả lãi theo hợp đồng vay tài sản đối với số tiền gốc 700.000.000 đồng.

Hậu quả pháp lý: Đương sự không được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu trả lãi theo hợp đồng vay tài sản, do đã hết thời hiệu khởi kiện.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hồng M và bà Đỗ Thị T về việc kiện đòi tài sản (tiền) đối với bị đơn ông Lưu Doãn C.

Buộc bị đơn ông Lưu Doãn C có nghĩa vụ trả cho các nguyên đơn ông Lê Hồng M và bà Đỗ Thị T số tiền 700.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc đất: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ, xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Hồng M và bà Đỗ Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Lưu Doãn C phải chịu 32.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp ngân sách Nhà nước, nhưng được miễn nộp án phí.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về lãi chậm trả, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Lưu Doãn C kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng xem xét chấp nhận cho ông Lưu Doãn C chỉ trả một phần tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Lưu Doãn C giữ nguyên nội dung kháng cáo chỉ chấp nhận trả $\frac{1}{2}$ số tiền đã vay vì lý do sức khỏe và cho rằng con gái ông Lưu Doãn C là chị Lưu Thu H1 đã trả được cho ông Lê Hồng M, bà Đỗ Thị T số tiền 200.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại số tiền 500.000.000 đồng, nên cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm buộc ông Lưu Doãn C chỉ phải trả số tiền 350.000.000 đồng.

Nguyên đơn ông Lê Hồng M và bà Đỗ Thị T, người đại diện hợp pháp giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình.

2. Về việc giải quyết kháng cáo:

Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn được làm trong hạn là hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: Việc ông Lưu Doãn C, và bà Nguyễn Thị P có vay vợ chồng ông Lê Hồng M, bà Đỗ Thị T số tiền 700.000.000 đồng và có thế chấp thửa đất số 146, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại khối 6 phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn và có công chứng để vay tiền mua tài sản đến chưa trả được nợ. Bị đơn xác nhận tài sản đem thế chấp chưa chia thừa kế, giá trị tài sản trên 4.000.000.000 đồng, tài sản này vẫn do ông Lưu Doãn C đang quản lý. Việc bị đơn kháng cáo chỉ nêu lý do vì sức khỏe. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn ông Lưu Doãn C không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Ông Lưu Doãn C là người cao tuổi nên được miễn án phí án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, có người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt hoặc có đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn; thấy rằng:

[2.1] Về hợp đồng vay tiền: Hợp đồng vay được ký kết giữa vợ chồng ông Lê Hồng M, bà Đỗ Thị T với ông Lưu Doãn C và bà Nguyễn Thị P vào ngày 18/11/2015. Các chủ thể ký kết hợp đồng có đủ năng lực nhận thức và năng lực hành vi dân sự; việc ký kết giữa các bên là tự nguyện, hợp đồng được lập thành văn bản, có công chứng, hợp đồng không có nội dung vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, bên vay đã nhận đủ số tiền vay, giao dịch dân sự phù

hợp quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết. Do đó, Hợp đồng vay tiền giữa các bên ký kết ngày 18/11/2015 có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn đều khai ông Lưu Doãn C và bà Nguyễn Thị P hiện có tài sản chung là quyền sử dụng đất thửa đất số 146, diện tích 96,8m², tờ bản đồ số 25, địa chỉ thửa đất tại khối I, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 03 tầng; đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lưu Doãn C; bà Nguyễn Thị P chết không để lại di chúc, di sản của bà Nguyễn Thị P chưa được chia thừa kế; hiện nhà đất do ông Lưu Doãn C quản lý, sử dụng. Giá trị ngôi nhà lớn hơn nhiều so với số tiền bị đơn nợ nguyên đơn, vì vậy ông Lưu Doãn C đủ điều kiện trả toàn bộ khoản nợ, do vậy, việc cấp sơ thẩm áp dụng Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015 để buộc Lưu Doãn C phải thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ. Đối với yêu cầu đòi tài sản không áp dụng thời hiệu, hiện nay ông Lưu Doãn C đang quản lý, sử dụng 1/2 giá trị nhà đất nêu trên là di sản của bà Nguyễn Thị P, nên các nguyên đơn yêu cầu buộc ông Lưu Doãn C phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng cho các nguyên đơn là có căn cứ.

[2.3] Bị đơn kháng cáo cho rằng hợp đồng vay tiền thực chất chỉ là để xác nhận nợ giữa ông Lê Hồng M, bà Đỗ Thị T và bà Lưu Thị H1 (con gái bị đơn), bị đơn cho rằng trước đây chị H1 đã trả nguyên đơn 200.000.000 đồng hiện còn nợ lại 500.000.000 đồng. Do công việc làm ăn không hiệu quả nên không có thêm thu nhập, bị đơn sức khỏe yếu nên không thể trả nợ cho nguyên đơn được, bị đơn chỉ đồng ý trả 350.000.000 đồng và không trả lãi. Bị đơn trình bày như vậy không phù hợp với thực tế khách quan vì bà Lưu Thị H1 có đủ năng lực nhận thức và năng lực thực hiện hành vi dân sự để tự ký kết hợp đồng; mâu thuẫn với chính lời khai của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn tại cấp sơ thẩm. Như vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Tại cấp phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo đã đưa ra. Do đó, kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận vì không có căn cứ pháp luật. Vì vậy bị đơn ông Lưu Doãn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên bị đơn là người đã trên 60 tuổi nên bị đơn được miễn án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị của của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, đề nghị nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lưu Doãn C giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2024/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, ông Lưu Doãn C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định của bản án dân sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Dương sự;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vi Đức Trí